



NHẬN DIỆN MÔ HÌNH TỔ TỤNG Ở VIỆT NAM THÔNG QUA TÌM HIỂU VỀ MÔ HÌNH TỔ TỤNG THẨM VẤN

Thượng úy, ThS. Hồ Hữu Phước *

Tóm tắt nội dung: Trên thế giới hiện nay có một số truyền thống pháp luật, tùy theo quan niệm khác nhau mà người ta có cách phân loại tổ tụng khác nhau như: kiểu tổ tụng tranh tụng, kiểu tổ tụng thẩm vấn và kiểu tổ tụng có sự đan xen giữa thẩm vấn và tranh tụng. Đối với mô hình tổ tụng ở Việt Nam, có quan điểm cho rằng nước ta đang thực hiện mô hình tổ tụng thẩm vấn nhưng không nguyên mẫu. Để làm rõ quan điểm này, chúng ta hãy cùng tìm hiểu về mô hình tổ tụng thẩm vấn và so sánh với mô hình tổ tụng ở Việt Nam, từ đó có thể nhận diện được Mô hình tổ tụng ở nước ta hiện nay.

Mô hình tổ tụng thẩm vấn là mô hình tổ tụng hình sự mà trong đó các chức năng cơ bản như chức năng buộc tội, chức năng bào chữa, chức năng xét xử tập trung vào một cơ quan nhà nước.

Mô hình tổ tụng tranh tụng là mô hình tổ tụng hình sự mà trong đó các chức năng đối lập nhau có quyền ngang nhau trong việc bảo vệ ý kiến lập luận của mình và phản bác ý kiến, lập luận lợi ích của bên kia thông qua việc thực hiện chức năng xét xử, Tòa án với tư cách là trọng tài điều khiển quá trình tranh tụng và kết thúc bằng bản án hoặc quyết định của Tòa án.

Cách đánh giá toàn diện nhất của mô hình tổ tụng thẩm vấn đó là so sánh nó với mô hình tổ tụng tranh tụng.

Về bản chất: Tổ tụng thẩm vấn đặt mục đích tìm kiếm sự thật là nhiệm vụ tối quan trọng. Trình tự giải quyết vụ án hình sự được xem như là một cuộc điều tra, trong đó, người tiến hành điều tra lại là đại diện của quyền lực nhà nước và phương pháp điều tra là thẩm vấn. Tòa án điều hành mọi tiến trình vụ án. Khi một vụ việc được đưa đến Tòa án, Tòa án sẽ nắm giữ trách nhiệm tìm kiếm sự thật. Ngược lại, trong tổ tụng tranh tụng, quá trình tổ tụng được coi như một

cuộc thi đấu giữa các đối thủ ngang sức. Yếu tố công bằng chi phối cái bên trong suốt cuộc thi đấu. Điều này ngược lại hoàn toàn với tổ tụng thẩm vấn, với bản chất là sự không cân xứng trong mối quan hệ giữa cái bên trong việc chứng minh tội phạm.

Về cách thức giải quyết vụ án: Tổ tụng thẩm vấn xác định mục đích là tìm kiếm sự thật bằng phương pháp điều tra, nên cách thức mà Tòa án giải quyết là dựa trên hồ sơ vụ án kết hợp với việc tiếp tục thẩm vấn tại phiên tòa. Phiên tòa trong tổ tụng thẩm vấn được mô tả là sự tiếp tục điều tra mà không phải là sự cạnh tranh giữa các bên đối trọng nhau trong vụ án và thời điểm mấu chốt là quá trình thẩm tra tại phiên tòa. Vì quyền lực thuộc vào thẩm phán nên tác động của thẩm phán luôn hướng vào vai trò của điều tra viên. Kết quả của quá trình điều tra trước khi mở phiên tòa có ý nghĩa to lớn đối với phán quyết của thẩm phán. Chính vì thế, nhiệm vụ của thẩm phán tại phiên tòa là kiểm tra, thẩm định lại các chứng cứ đã được thu thập trước đó. Điều này lý giải tại sao việc xem xét và đánh giá

* P. Tổ trưởng, Bộ môn NVCS,
Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.



có tính căn cứ và tính hợp pháp của chứng cứ được coi là đặc trưng của tố tụng thẩm vấn. Tất cả các bên tham gia đều được mong chờ hợp tác vào quá trình thu thập chứng cứ mà không phải là công tố viên hay luật sư bào chữa, đồng thời xác định tính hợp lệ của các chứng cứ dựa trên những tiêu chí đã được định sẵn bởi pháp luật.

Về việc thực hiện chức năng tố tụng:

Một đặc điểm nổi trội của tố tụng thẩm vấn so với tố tụng tranh tụng là sự phân định các chức năng tố tụng. Trong tố tụng tranh tụng, chức năng giám sát được giao cho Tòa án và quyền lực được chia sẻ cho các bên buộc tội và bên bào chữa. Tòa án thực hiện chức năng này thông qua vai trò trọng tài trung gian phán quyết hoạt động tranh tụng tại phiên tòa giữa các bên đối trọng nhau, đó là giữa Công tố viên và Luật sư bào chữa. Ngược lại, ở tố tụng thẩm vấn, đặt nặng hoạt động điều tra ở giai đoạn tiền tố tụng trước khi mở phiên tòa, đòi hỏi các bên bao gồm Cảnh sát điều tra, đại diện Viện Công tố và đặc biệt là Thẩm phán phải tập trung vào việc chứng minh tội phạm, do đó các chức năng tố tụng không được phân định rõ ràng, cụ thể mà tập trung vào Tòa án. Tòa án vừa chi phối, giám sát hoạt động điều tra trước phiên tòa, vừa thực hiện chức năng xét xử. Phiên tòa, với bản chất là một cuộc điều tra lại, điều tra tiếp tục được tiến hành bởi Thẩm phán nên sự tham gia của Công tố viên và bên bào chữa trở nên hình thức. Điều này dẫn đến quyền bào chữa của bị cáo bị hạn chế. Sự không cân đối trong việc thực hiện các chức năng tố tụng thể hiện ở ngay chính vai trò của các chủ thể.

Về vai trò của Viện Công tố và sự tham gia của Công tố viên: Trong tố tụng thẩm vấn, Công tố viên thường được xem là một đại diện của quyền lực nhà nước, người không thực hiện việc kết án nhưng cố gắng tìm kiếm sự thật và đưa ra kết luận độc lập với Thẩm phán. Khác với tố tụng tranh tụng, nguyên tắc hoạt động của Công tố viên là tôn trọng sự thật khách quan.

Công tố viên trong tố tụng thẩm vấn giữ vai trò như là một bên độc lập, tách khỏi hoạt động tố tụng hơn là một bên trong tố tụng theo nghĩa đối lập với bên bào chữa. Công tố viên có quyền tự quyết rất rộng, đó là giám sát công tác điều tra và quyết định việc khởi tố.

Về vai trò của Luật sư bào chữa: Với bản chất đề cao trách nhiệm của nhà nước trong việc chứng minh tội phạm, cho nên vai trò của Luật sư bào chữa trong tố tụng thẩm vấn bị lu mờ trước những cơ quan tư pháp, cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn. So với Công tố viên, vai trò của Luật sư bào chữa trong tố tụng thẩm vấn không được coi trọng. Công tố viên thường xuất hiện trong vụ kiện sớm hơn so với luật sư bào chữa. Kết quả là bên bào chữa hiếm khi tham gia đầy đủ trong suốt quá trình tố tụng, thậm chí sự tham gia của Luật sư bào chữa thường bị Công tố viên phớt lờ.

Với những đặc điểm trên, tố tụng thẩm vấn có những ưu điểm cơ bản sau:

- Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc tìm kiếm sự thật, nên trong chừng mực nhất định, quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội luôn được bảo vệ tốt hơn khi quyền đó bị xâm phạm bởi cá nhân người phạm tội. Hệ thống tố tụng thẩm vấn cũng cho phép Nhà nước kiểm soát tốt tình hình diễn biến của tội phạm. Với tư cách thẩm tra truyền thống, sự thật nhanh chóng được tìm kiếm. Bất cứ một sự bóp méo chứng cứ hay xuyên tạc từ phía những người tham gia tố tụng, đặc biệt là từ phía người bị buộc tội và luật sư bào chữa, đều có thể được phát hiện dễ dàng qua sự thẩm vấn.

- Với bản chất không đặt nặng hình thức như tố tụng tranh tụng, tố tụng thẩm vấn coi sự thật sau cùng của vụ án là mục đích được mong chờ, do đó những sai phạm không đáng kể trong thủ tục (nếu có) có thể được bỏ qua nếu mục đích chứng minh tội phạm vẫn được giải quyết. Điều này khác với tố tụng tranh tụng, xuất phát từ nguyên tắc “*công bằng giữa các bên*” trong



tố tụng, do đó Nhà nước phải tôn trọng và đảm bảo quyền và lợi ích của cá nhân trong mối quan hệ với lợi ích Nhà nước.

- Thủ tục phiên tòa đơn giản và nhanh chóng. Mục đích chính của tố tụng thẩm vấn là cố gắng xác định sự thật khách quan của vụ án để trên cơ sở đó ra phán quyết. Tòa án thực hiện việc chứng minh vụ án trên cơ sở sử dụng kết quả của hoạt động điều tra, vì vậy mà thủ tục tố tụng tại phiên tòa đơn giản và ít khắc khe hơn về mặt hình thức, việc xét xử không nhất thiết phải có mặt đầy đủ những người tham gia tố tụng, chứng cứ thu thập chỉ cần thẩm tra lại tại phiên tòa và gánh nặng xét hỏi do Tòa án đảm nhận. Phán quyết của Tòa án dựa trên niềm tin nội tâm mà không phải là kết quả của việc đánh giá xem bên nào có nhiều căn cứ thuyết phục hơn tại phiên tòa. Bên cạnh đó, tất cả những người tham gia vào quá trình tố tụng đều được mong chờ hợp tác vào quá trình chứng minh tội phạm, nên lời nhận tội của bị cáo luôn được coi trọng và có lợi cho tình trạng của người đó.

Mặc dù có những ưu điểm nổi trội, song tố tụng thẩm vấn cũng không thể không có những hạn chế nhất định, mà những hạn chế này một phần xuất phát từ chính những ưu điểm đã được nêu ở trên.

Thứ nhất, một trong những vấn đề mà những nước áp dụng mô hình tố tụng thẩm vấn đang phải tự đối mặt đặc điểm truyền thống của mình đó là giảm bớt vai trò của Thẩm phán trong giai đoạn xét xử. Điều này cho thấy đây là một hạn chế, không hiệu quả của mô hình tố tụng thẩm vấn. Bởi vì, Thẩm phán luôn chiếm ưu thế nổi trội hơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tầm quan trọng của việc đề cao vai trò của Thẩm phán điều tra, nên giai đoạn xét xử tại phiên tòa chỉ đơn thuần là xác minh lại những gì đã được tìm thấy ở giai đoạn trước đó. Chúng ta có thể thấy do Thẩm phán điều tra tập hợp nên việc thẩm vấn bị xem là đi ngược lại nguyên tắc vô tư, khách quan và việc tranh luận tại phiên tòa

trở nên vô nghĩa.

Phiên tòa trong mô hình tố tụng thẩm vấn được ví như một cuộc phỏng vấn, trong đó các bên phải trả lời một cách thụ động những câu hỏi được đưa ra bởi Thẩm phán được phân công điều khiển phiên tòa. Điều này dẫn đến sự thiếu khách quan trong việc đánh giá chứng cứ, khi mà quyền bào chữa không có cơ hội bộc lộ. Đồng thời, vai trò “*buộc tội công*” của Công tố viên phải nhường chỗ cho Thẩm phán, các chức năng tố tụng, cụ thể là chức năng buộc tội và chức năng bào chữa không được tôn trọng. Theo cách đánh giá của cá nhân, với cách thức và quan niệm quá coi trọng vai trò của Thẩm phán đồng thời coi nhẹ vai trò của Công tố viên và người bào chữa, mô hình tố tụng thẩm vấn được coi là thiếu tôn trọng nguyên tắc “*công bằng giữa các bên*” trong tố tụng hình sự.

Thứ hai, trong tố tụng thẩm vấn, quyền con người trong tố tụng hình sự, đặc biệt là quyền của người bị buộc tội bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Điều này xuất phát từ mục đích của tố tụng thẩm vấn gắn nhiệm vụ kiểm soát tội phạm làm mục tiêu của các hoạt động tố tụng trong việc chứng minh vụ án và mọi tội phạm, hành vi phạm tội đều phải bị xử lý nghiêm minh. Theo đó, điểm khác biệt cơ bản của hai mô hình tố tụng tranh tụng và mô hình tố tụng thẩm vấn là ở chỗ, trong mô hình tố tụng tranh tụng, bị cáo được coi là chưa có tội cho đến khi chứng minh được anh ta có tội, trong khi ở mô hình tố tụng thẩm vấn, bị cáo bị coi là có tội cho đến khi chứng minh rằng anh ta chưa có tội.

So với tố tụng tranh tụng, quyền bào chữa của người bị buộc tội ở tố tụng thẩm vấn thực chất chỉ là quyền mang tính hình thức, vai trò của người bào chữa bị coi nhẹ và quyền của người bị buộc tội rõ ràng không được đảm bảo.

Ở góc độ so sánh pháp luật, Việt Nam thuộc các quốc gia theo truyền thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, có nguồn gốc từ hệ thống Dân luật (Civil law). Tương tự với các nước theo hệ



thống luật lục địa, Việt Nam cũng sử dụng hệ thẩm vấn. Tuy nhiên, sự vận hành mô hình thẩm vấn ở Việt Nam có những chuyển biến khác nhau qua từng thời kỳ lịch sử, có thể khái quát qua những thời kỳ sau:

Mô hình tố tụng hình sự ban đầu – Tố tụng thẩm vấn nguyên mẫu. Trong thời kỳ phong kiến, những quy định tố tụng trong Bộ luật Hồng Đức, Bộ luật Gia Long, cùng với thực tiễn xét xử, đều phản ánh hình thức tố tụng thẩm vấn mà đặc trưng cơ bản là: quan cai trị hành chính là Thẩm phán và Điều tra viên; việc điều tra tiến hành bí mật, chứng cứ chủ yếu là lời khai của nhân chứng và lời nhận tội của bị cáo; việc xét xử không công khai, tra tấn và gong cùm là biện pháp chủ yếu trong trừng phạt kẻ phạm tội.

Giai đoạn từ năm 1945 đến 1975, nước ta liên tục trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong điều kiện vừa đấu tranh chống giặc ngoại xâm, vừa tiến hành kiện toàn ổn định đất nước, đồng thời phải đối phó với thù trong giặc ngoài nên chính sách TTHS lúc bấy giờ tập trung vào bảo vệ an ninh quốc gia, mọi hành vi chống đối cách mạng đều phải bị xử lý nghiêm minh. Chính vì vậy, lực lượng Công an được coi là nòng cốt trong đấu tranh bảo vệ an ninh trật tự và có quyền hành tương đối lớn, độc lập nhằm đối phó với tình hình thời điểm đó. Viện công tố ra đời năm 1958 là một bước tiến quan trọng của nền tư pháp, tuy nhiên vai trò hoạt động còn mờ nhạt, các quy định về TTHS nói chung chưa được ban hành một cách rõ ràng và có hệ thống. Thẩm phán vẫn giữ vai trò trung tâm của quá trình thu thập dữ kiện nhưng không còn việc tra tấn.

Mô hình Tố tụng hình sự pha trộn: Giai đoạn từ sau năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, xong đất nước vẫn phải tiếp tục đối phó với những âm mưu thù địch và những phần tử bất mãn chế độ và một lượng không nhỏ các tội phạm phá hoại trật tự an ninh xã hội. Trước hoàn cảnh đó, nhà nước đã đặt mục tiêu nhấn

mạnh đấu tranh với tội phạm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tố tụng xử lý tội phạm mà chưa quan tâm đến việc cần thiết phải bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền và lợi ích chính đáng của người bị buộc tội. Kể từ khi có Bộ luật Tố tụng hình sự đầu tiên năm 1989, các quy định về thủ tục giải quyết các vụ án hình sự đã xác định rõ ràng nhiệm vụ trọng tâm của Bộ luật TTHS là giải quyết đúng đắn, toàn diện và chính xác vụ án hình sự, tránh không bỏ lọt tội phạm, đồng thời không làm oan người vô tội. Bộ luật đã thể hiện được tinh thần cốt lõi là: Việc điều tra được thực hiện chủ yếu bởi Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thực hiện hai chức năng là thực hành quyền công tố và giám sát các hoạt động tuân thủ pháp luật; Tòa án thực hiện chức năng xét xử. Thẩm phán giữ vai trò trung tâm của hoạt động tố tụng tại phiên tòa, hoạt động chứng minh tội phạm phần lớn vẫn áp dụng biện pháp thẩm vấn.

Với quy định của Dự thảo Bộ luật TTHS sửa đổi năm 2014, các chức năng tố tụng được phân định tương đối rõ ràng hơn. Viện kiểm sát thực hiện chức năng công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; quyền bào chữa được mở rộng; thủ tục tại phiên tòa ghi nhận rõ nét hoạt động tranh luận giữa công tố viên và bên bào chữa; nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi nhận là nguyên tắc xuyên suốt chỉ đạo hoạt động chứng minh tội phạm; quyền con người trong TTHS được đảm bảo hơn... Những biểu hiện trên cho thấy, TTHS Việt Nam hiện nay với bản chất là tố tụng thẩm vấn nhưng cũng đã chứa đựng nhiều yếu tố tích cực của tố tụng tranh tụng. Điều này khẳng định, mô hình TTHS hiện nay của nước ta không còn là tố tụng thẩm vấn nguyên mẫu, mà đã có sự giao thoa một số đặc tính của tố tụng tranh tụng, mang dáng dấp của mô hình tố tụng pha trộn./.